

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2787 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 04 tháng 7 năm 2025

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 44/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 388/TTr-SNNMT ngày 04/7/2025.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Thay thế ý IV, mục B - Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính các lĩnh vực Đất đai, đo đạc và bản đồ, khí tượng thủy văn, tài nguyên nước, tổng hợp, chăn nuôi, thú y, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Bãi bỏ số thứ tự 2 ý II, mục B - Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thay thế số thứ tự 4, 5 ý I, mục C - Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp, kiểm lâm, đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

**Điều 3.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức xây dựng, hoàn thiện các quy trình nội bộ thực hiện các thủ tục hành chính tại Điều 1; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hải Phòng;
- Các PCVP UBND TP;
- Các đơn vị: TTPVHCC, NN&MT;
- Cổng TTĐTTP;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Signature]*  
**Hoàng Minh Cường**

**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM,**  
**BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA**  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**  
*(Kèm theo Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của Chủ tịch UBND thành phố)*

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (03 TTHC)**

**1. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (01 TTHC)**

| TT                                                            | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                                                               | Thời gian giải quyết |                  | Địa điểm nộp hồ sơ                          | Phi/lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện nộp hồ sơ |                       |                          | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                               | Ghi chú |
|---------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------|---------------------------------------------|---------------------|-------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|                                                               |            |                                                                                                                                        | Sở NNMT              | UBND TP          |                                             |                     | Trực tiếp                     | Trực tuyến trên DVCQG | Dịch vụ bưu chính        |                                                                                                                                                                                                              |         |
| I. Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (03 TTHC) |            |                                                                                                                                        |                      |                  |                                             |                     |                               |                       |                          |                                                                                                                                                                                                              |         |
| 1                                                             | 1.014021   | Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận | 07 ngày làm việc     | 03 ngày làm việc | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố | Không quy định      |                               | Toàn trình            | Tiếp nhận và trả kết quả | - Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008.<br>- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.<br>- Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025.<br>- Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025. |         |

## 2. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường (02 TTHC)

| TT                                                            | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                                                           | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm nộp hồ sơ                          | Phí/lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện nộp hồ sơ |                       |                          | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                               | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|---------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------|---------------------|-------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                               |            |                                                                                                                                    |                      |                                             |                     | Trực tiếp                     | Trực tuyến trên DVCQG | Dịch vụ bưu chính        |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| I. Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (01 TTHC) |            |                                                                                                                                    |                      |                                             |                     |                               |                       |                          |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 01                                                            | 1.014022   | Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học | 16 ngày làm việc (*) | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã    | Không quy định      |                               | Toàn trình            | Tiếp nhận và trả kết quả | - Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008.<br>- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.<br>- Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025.<br>- Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025. |                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| II. Lĩnh vực Kiểm lâm (01 TTHC)                               |            |                                                                                                                                    |                      |                                             |                     |                               |                       |                          |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 01                                                            | 3.000496   | Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES                                           |                      | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố | Không quy định      |                               | Toàn trình            | Tiếp nhận và trả kết quả | - Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008.<br>- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.<br>- Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025.<br>- Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025. | 02 đơn vị thực hiện:<br>- Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y cấp mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích xuất khẩu<br>- Chi cục Kiểm lâm cấp mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công |

| TT | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Thời hạn giải quyết | Địa điểm nộp hồ sơ | Phí/lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện nộp hồ sơ |                       |                   | Căn cứ pháp lý | Ghi chú                                                               |
|----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------|-------------------------------|-----------------------|-------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------|
|    |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                     |                    |                     | Trực tiếp                     | Trực tuyến trên DVCQG | Dịch vụ bưu chính |                |                                                                       |
|    |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                     |                    |                     |                               |                       |                   |                | ước CITES trừ trường hợp do Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y cấp. |
|    |            | Trường hợp hồ sơ hợp lệ không bao gồm trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam; Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu | 03 ngày làm việc    |                    |                     |                               |                       |                   |                |                                                                       |
|    |            | Trường hợp cần kiểm tra thực tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 15 ngày làm việc    |                    |                     |                               |                       |                   |                |                                                                       |
|    |            | Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu                                                                                                                                                                                             | 24 ngày làm việc    |                    |                     |                               |                       |                   |                |                                                                       |
|    |            | Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu                                                                                                                                                                                                                    | 09 ngày làm việc    |                    |                     |                               |                       |                   |                |                                                                       |

| TT | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                           | Thời hạn giải quyết | Địa điểm nộp hồ sơ | Phí/lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện nộp hồ sơ |                       |                   | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------|-------------------------------|-----------------------|-------------------|----------------|---------|
|    |            |                                                                                                                                                                                                                    |                     |                    |                     | Trực tiếp                     | Trực tuyến trên DVCQG | Dịch vụ bưu chính |                |         |
|    |            | tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam (không bao gồm trường hợp cần kiểm tra thực tế ; nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu) |                     |                    |                     |                               |                       |                   |                |         |

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (04 TTHC)

### 1. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (03 TTHC)

| TT                                                            | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                             | Thời gian giải quyết |                  | Địa điểm nộp hồ sơ                          | Phí/lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện nộp hồ sơ |                       |                          | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|---------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------|---------------------------------------------|---------------------|-------------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|                                                               |            |                                                                      | Sở NNMT              | UBND TP          |                                             |                     | Trực tiếp                     | Trực tuyến trên DVCQG | Dịch vụ bưu chính        |                                                                                                                                                                                                     |         |
| I. Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (03 TTHC) |            |                                                                      |                      |                  |                                             |                     |                               |                       |                          |                                                                                                                                                                                                     |         |
| 1                                                             | 1.008672   | Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên | 15 ngày làm việc     | 03 ngày làm việc | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố | Không quy định      |                               | Toàn trình            | Tiếp nhận và trả kết quả | - Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008.<br>- Các Nghị định: số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.<br>- Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025. |         |

|   |          |                                                                                           |                  |                  |                                             |                |  |  |            |                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|---|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|---------------------------------------------|----------------|--|--|------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |          |                                                                                           |                  |                  |                                             |                |  |  |            | - Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025. |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 2 | 1.008675 | Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ | 10 ngày làm việc | 05 ngày làm việc | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố | Không quy định |  |  | Toàn trình | Tiếp nhận và trả kết quả                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008.</li> <li>- Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013.</li> <li>- Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025.</li> <li>- Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.</li> </ul> |
| 3 | 1.008682 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học                                        | 24 ngày làm việc | 03 ngày làm việc | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố | Không quy định |  |  | Toàn trình | Tiếp nhận và trả kết quả                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008.</li> <li>- Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010.</li> <li>- Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025.</li> <li>- Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.</li> </ul>   |

## 2. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường (04 TTHC)

| TT                             | Mã số TTHC | Tên TTHC                 | Thời hạn giải quyết | Địa điểm nộp hồ sơ                       | Phí/lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện nộp hồ sơ |                       |                          | Căn cứ pháp lý                                                                                  | Ghi chú |
|--------------------------------|------------|--------------------------|---------------------|------------------------------------------|---------------------|-------------------------------|-----------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|                                |            |                          |                     |                                          |                     | Trực tiếp                     | Trực tuyến trên DVCQG | Dịch vụ bưu chính        |                                                                                                 |         |
| I. Lĩnh vực Kiểm lâm (03 TTHC) |            |                          |                     |                                          |                     |                               |                       |                          |                                                                                                 |         |
| 01                             | 1.000045   | Xác nhận bảng kê lâm sản |                     | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không quy định      |                               | Toàn trình            | Tiếp nhận và trả kết quả | - Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025.<br>- Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025. |         |

| TT | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                             | Thời hạn giải quyết | Địa điểm nộp hồ sơ                       | Phí/lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện nộp hồ sơ |                       |                          | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                          | Ghi chú |
|----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------|---------------------|-------------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    |            |                                                                                                      |                     |                                          |                     | Trực tiếp                     | Trực tuyến trên DVCQG | Dịch vụ bưu chính        |                                                                                                                                                                                         |         |
|    |            | Trường hợp không cần phải xác minh                                                                   | 02 ngày làm việc    |                                          |                     |                               |                       |                          |                                                                                                                                                                                         |         |
|    |            | Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản                                                            | 03 ngày làm việc    |                                          |                     |                               |                       |                          |                                                                                                                                                                                         |         |
|    |            | Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản mà có nhiều nội dung phức tạp                              | 04 ngày làm việc    |                                          |                     |                               |                       |                          |                                                                                                                                                                                         |         |
| 02 | 1.000047   | Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên                                 | 06 ngày làm việc    | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không quy định      |                               | Toàn trình            | Tiếp nhận và trả kết quả | - Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025.<br>- Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.                                                                                         |         |
| 03 | 3.000160   | Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ |                     | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không quy định      |                               | Toàn trình            | Tiếp nhận và trả kết quả | - Các Nghị định: số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020; số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024.<br>- Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025.<br>- Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025. |         |
|    |            | Trường hợp không kiểm tra, xác minh                                                                  | 05 ngày             |                                          |                     |                               |                       |                          |                                                                                                                                                                                         |         |

| TT | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                 | Thời hạn giải quyết | Địa điểm nộp hồ sơ | Phí/lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện nộp hồ sơ |                       |                   | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------|-------------------------------|-----------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |            |                                                                                          |                     |                    |                     | Trực tiếp                     | Trực tuyến trên DVCQG | Dịch vụ bưu chính |                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|    |            |                                                                                          | làm việc            |                    |                     |                               |                       |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|    |            | Trường hợp phải kiểm tra, xác minh                                                       | 15 ngày làm việc    |                    |                     |                               |                       |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 04 | 1.004819   | Dăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES |                     |                    |                     |                               |                       |                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017.</li> <li>- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.</li> <li>- Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025.</li> <li>- Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.</li> </ul> | 02 đơn vị thực hiện:<br>- Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y cấp mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích xuất khẩu<br>- Chi cục Kiểm lâm cấp mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES trừ trường hợp do Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y cấp. |

| TT | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Thời hạn giải quyết | Địa điểm nộp hồ sơ | Phí/lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện nộp hồ sơ |                       |                   | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------|-------------------------------|-----------------------|-------------------|----------------|---------|
|    |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                     |                    |                     | Trực tiếp                     | Trực tuyến trên DVCQG | Dịch vụ bưu chính |                |         |
|    |            | Trường hợp nộp hồ sơ hợp lệ không bao gồm trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam: Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu | 03 ngày làm việc    |                    |                     |                               |                       |                   |                |         |
|    |            | Trường hợp cần kiểm tra thực tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 15 ngày làm việc    |                    |                     |                               |                       |                   |                |         |
|    |            | Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu                                                                                                                                                                                                 | 24 ngày làm việc    |                    |                     |                               |                       |                   |                |         |
|    |            | Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam (không bao gồm trường hợp cần kiểm tra thực tế : nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ                                                                          | 09 ngày làm việc    |                    |                     |                               |                       |                   |                |         |

| TT                                       | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                                                                                                                          | Thời hạn giải quyết | Địa điểm nộp hồ sơ                       | Phí/lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện nộp hồ sơ |                       |                          | Căn cứ pháp lý                                                                                  | Ghi chú |
|------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------|---------------------|-------------------------------|-----------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|                                          |            |                                                                                                                                                                                                   |                     |                                          |                     | Trực tiếp                     | Trực tuyến trên DVCQG | Dịch vụ bưu chính        |                                                                                                 |         |
|                                          |            | lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu)                                                                                                                              |                     |                                          |                     |                               |                       |                          |                                                                                                 |         |
| <b>II. Lĩnh vực Lâm nghiệp (01 TTHC)</b> |            |                                                                                                                                                                                                   |                     |                                          |                     |                               |                       |                          |                                                                                                 |         |
| 01                                       | 1.011470   | Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng | 10 ngày (*)         | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không quy định      |                               | Toàn trình            | Tiếp nhận và trả kết quả | - Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025.<br>- Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025. |         |
|                                          |            | Trường hợp không cần phải xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác                                                                                                   | 07 ngày làm việc    |                                          |                     |                               |                       |                          |                                                                                                 |         |
|                                          |            | Trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác                                                                                                              | 10 ngày làm việc    |                                          |                     |                               |                       |                          |                                                                                                 |         |

## 3. Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã (03 TTHC)

| TT                               | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                                                          | Thời hạn giải quyết | Địa điểm nộp hồ sơ                       | Phí/lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện nộp hồ sơ |                       |                   | Căn cứ pháp lý           | Ghi chú                                                                                                                                |
|----------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------|---------------------|-------------------------------|-----------------------|-------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                  |            |                                                                                                                                   |                     |                                          |                     | Trực tiếp                     | Trực tuyến trên DVCQG | Dịch vụ bưu chính |                          |                                                                                                                                        |
| I. Lĩnh vực lâm nghiệp (03 TTHC) |            |                                                                                                                                   |                     |                                          |                     |                               |                       |                   |                          |                                                                                                                                        |
| 01                               | 1.012922   | Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng                                               | 05 ngày             | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không quy định      |                               |                       | Toàn trình        | Tiếp nhận và trả kết quả | - Các Nghị định: số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.<br>- Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025. |
| 02                               | 1.012531   | Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân                                                 | 20 ngày             | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không quy định      |                               |                       | Toàn trình        | Tiếp nhận và trả kết quả | - Các Nghị định: số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.<br>- Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.   |
| 03                               | 1.011471   | Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã |                     | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không quy định      |                               |                       | Toàn trình        | Tiếp nhận và trả kết quả | - Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025.<br>- Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025.                                        |
|                                  |            | Trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác                                        | 07 ngày làm việc    |                                          |                     |                               |                       |                   |                          |                                                                                                                                        |

| TT | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                             | Thời hạn giải quyết | Địa điểm nộp hồ sơ | Phí/lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện nộp hồ sơ |                       |                   | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------|-------------------------------|-----------------------|-------------------|----------------|---------|
|    |            |                                                                                      |                     |                    |                     | Trực tiếp                     | Trực tuyến trên DVCQG | Dịch vụ bưu chính |                |         |
|    |            | Trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác | 10 ngày làm việc    |                    |                     |                               |                       |                   |                |         |

### III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (02 TTHC)

#### 1. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường (01 TTHC)

| STT | Mã số TTHC                  | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                  | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                  |
|-----|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I   | Lĩnh vực kiểm lâm (01 TTHC) |                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1   | 1.004815                    | Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES | Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. |

#### 2. Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện (01 TTHC)

| STT | Mã số TTHC                  | Tên thủ tục hành chính                | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                          |
|-----|-----------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I   | Lĩnh vực kiểm lâm (01 TTHC) |                                       |                                                                                                                                                                                                             |
| 1   | 3.000154                    | Thủ tục hải quan đối với gỗ nhập khẩu | Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam |